

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phước
- Ông Đặng Văn Chiêu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Ngoãn - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Lý Thị Nhiên -
Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long
xét xử công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024
về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
132/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T2; địa chỉ: Số B, N, phường V, Quận C, Thành
phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D;
chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T; chức
vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng S

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần Gia T1 - Chức
vụ: nhân viên công ty TNHH MTQ1 quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng
S. Địa chỉ: B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc N, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp I, xã P, huyện P,
tỉnh Bạc Liêu

(Ông Trần Gia T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Quốc N vắng
mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T1 trình bày:

Ông N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ Visa số thẻ 472074-4320 hạn mức 50.000.000 đồng ngày ký " \o "Hợp" hợp đồng 22/9/2022, lãi suất áp dụng 2,77%;

Loại thẻ vay TD số thẻ 211251-3778 hạn mức 50.000.000 đồng ngày ký hợp đồng 27/9/2022, lãi suất áp dụng 1,55%

Sau khi được cấp thẻ tín dụng. Ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.156.000 đồng (gồm thẻ 472074 - 4320 là 4.156.000 đồng, thẻ 211251 - 3778 là 45.000.000 đồng) lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Cụ thể là: thẻ 472074 - 4320 là 500.000 đồng, thẻ 211251-3778 là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (cụ thể: thẻ Visa 472074 - 4320 ngày 24/02/2023, thẻ vay TD 211251 - 3778 ngày 08/02/2023) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 52.018.059 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông N trả số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 19/4/2024 với tổng số tiền là 70.202.385 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.018.059 đồng và lãi quá hạn 18.184.326 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị:

1. Buộc ông Phạm Quốc R "11" \o "ngày"Ngây phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2024 với tổng số tiền là 70.202.385 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.018.059 đồng và lãi quá hạn 18.184.326 đồng
2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn ông Phạm Quốc N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông N vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Phạm Quốc N, buộc ông N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 19/4/2024 là 70.202.385 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.018.059 đồng và lãi quá hạn 18.184.326 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2024 đến khi ông N trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Buộc ông Phạm Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc N trả số tiền nợ vay còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên nên đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Quốc N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Giữa ông Phạm Quốc N và Ngân hàng có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ Visa số thẻ 472074-4320 hạn mức 50.000.000 đồng ngày ký "15" \o "Hợp" hợp đồng 22/9/2022, lãi suất áp dụng 2,77%; Loại thẻ vay TD số thẻ 211251-3778 hạn mức 50.000.000 đồng ngày ký hợp đồng 27/9/2022, lãi suất áp dụng 1,55%

Hợp đồng tín dụng trên được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định: Quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 49.156.000 đồng (gồm thẻ 472074 - 4320 là 4.156.000 đồng, thẻ 211251 - 3778 là 45.000.000 đồng) và từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng. Cụ thể là: thẻ 472074 - 4320 là 500.000 đồng, thẻ 211251-3778 là 1.000.000 đồng.

Xét thấy, ông Phạm Quốc N không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ đã giao kết trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ vay tính đến hết ngày 19/4/2024 là 70.202.385 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.018.059 đồng và lãi quá hạn 18.184.326 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[3] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc ông Phạm Quốc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Phạm Quốc N

Buộc ông Phạm Quốc N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến hết ngày 19/4/2024 là 70.202.385 đồng. Trong đó nợ gốc là 52.018.059 đồng và lãi quá hạn 18.184.326 đồng.

Kể từ ngày 20/4/2024, ông Phạm Quốc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông Phạm Q "ngày" "ngày" phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phạm Q "ngày" "ngày" phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.510.119 đồng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.378.365 đồng theo biên lai thu tiền số 0043048 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nay được hoàn lại toàn bộ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm